

Số /KH-SYT

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

Thực hiện Văn bản số 163/UBND-VP2 ngày 16/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 và năm 2026. Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 thuộc lĩnh vực Y tế, nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Tiếp tục sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy ngành y tế đảm bảo tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Ninh Bình theo hướng công bằng, chất lượng, toàn diện và có khả năng thích ứng tốt với quá trình hội nhập quốc tế và kỷ nguyên đổi mới của dân tộc; có chính sách thu hút, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có ý thức và năng lực chuyên môn vững vàng. Bảo đảm mọi người dân được thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế chất lượng cao; các đối tượng trợ giúp xã hội được tiếp cận và hưởng chính sách bảo trợ xã hội đúng quy định. Người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển cả về thể chất và tinh thần; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026

- Phân đầu đạt 04 chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được giao tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

- + Số bác sỹ/1 vạn dân: 11,5 bác sỹ;
- + Số giường bệnh/1 vạn dân: 35 giường bệnh;
- + Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế: 95,3%;
- + Tỷ lệ người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử: 40%.

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị đề ra tại Nghị quyết số 05-NQ/ĐU ngày 10/11/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ Sở Y tế điều chỉnh một số chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Sở Y tế, nhiệm kỳ 2025-2030, theo đó các chỉ tiêu phân kỳ thực hiện năm 2026:

+ Số bác sỹ/1 vạn dân: 11,5 bác sỹ (bao gồm số bác sỹ làm việc tại Bệnh viện Bạch Mai 2, Việt Đức 2);

+ Số giường bệnh/1 vạn dân: 35 giường bệnh (bao gồm số giường bệnh tại Bệnh viện Bạch Mai 2, Việt Đức 2);

+ Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế: 95,3%;

+ Tỷ số giới tính khi sinh: 111,1 bé trai/100 bé gái;

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi thể thấp còi giảm còn dưới 15,5%.

+ Tỷ lệ trạm y tế xã/phường có bác sỹ làm việc: 100%

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong CTTCMR đạt $\geq 95\%$;

+ Tỷ lệ người dân được lập hồ sơ sức khoẻ điện tử: 40%;

+ Tỷ lệ trạm y tế xã/phường thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm đạt 100%;

+ Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp theo quy định đạt 100%;

+ Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, trợ giúp bằng các hình thức khác nhau đạt trên 95%.

- Chỉ tiêu đáp ứng sự hài lòng của người bệnh: Tỷ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế đạt trên 80%.

- Không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo điều hành

a) Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy ngành y tế bảo đảm tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả: thành lập Bệnh viện đa khoa khu vực trên cơ sở tổ chức lại các Trung tâm Y tế theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế và cấp có thẩm quyền; tiếp tục rà soát, sắp xếp lại các tổ chức bên trong của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở...

b) Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế trên địa bàn: tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm, đặc biệt trong các lĩnh vực: khám chữa

bệnh, phòng bệnh, trợ giúp xã hội, an toàn thực phẩm, thuốc, thiết bị y tế, tài chính, tài sản, mua sắm, đấu thầu....

c) Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch;

d) Khuyến khích phát triển và tăng cường sự tham gia của y tế ngoài công lập trong cung ứng dịch vụ y tế công;

đ) Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao năng lực quản lý, quản trị của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Tăng cường trách nhiệm giải trình và công khai minh bạch, kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng để kịp thời động viên công chức, viên chức, người lao động vượt khó, hoàn thành nhiệm vụ được giao;

e) Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số...

2. Cung ứng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

2.1. Y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu

a) Đẩy mạnh thực hiện các đề án, chương trình: Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Chiến lược Quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030; Chiến lược Quốc gia dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời...;

b) Tăng cường giám sát dịch để phát hiện sớm các nguy cơ ô nhiễm và bệnh dịch, chuẩn bị đầy đủ thuốc, hóa chất để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn, dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên diện rộng;

c) Thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng, thường xuyên rà soát đối tượng và tổ chức tiêm vét các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng, bảo đảm tỷ lệ tiêm các loại vắc xin trong tiêm chủng mở rộng đạt trên 95%;

d) Tiếp tục triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em; thực hiện các giải pháp duy trì tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế, tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai, tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh, giảm tỷ lệ tử vong mẹ và tỷ suất tử vong ở trẻ em, ưu tiên các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực khó khăn;

đ) Đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống và quản lý các bệnh không lây nhiễm phổ biến như tim mạch, ung thư, tiểu đường...

e) Tăng cường các hoạt động phòng, chống tai nạn thương tích, phòng, chống tác hại thuốc lá; triển khai tốt công tác chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp; đảm bảo an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ; tăng cường công tác y tế học đường; thực hiện quản lý sức khỏe người dân tại gia đình và cộng đồng;

g) Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi nhằm tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia và nhà tiêu hợp vệ sinh, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn; Đa dạng hóa nội dung và đổi mới hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong tự chăm sóc, nâng cao sức khỏe;

h) Phối hợp với chính quyền cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động chuyên môn của trạm y tế xã/phường phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và quy định về phân cấp, phân quyền hiện nay đảm bảo trạm y tế xã/phường có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn phụ trách.

2.2. An toàn thực phẩm

a) Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về ATTP; thực hiện việc kiểm soát ATTP dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc; phòng chống có hiệu quả ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

b) Đẩy mạnh việc triển khai đồng bộ các hoạt động bảo đảm ATTP; tăng cường và đổi mới thông tin, giáo dục truyền thông về ATTP; duy trì hoạt động các mô hình điểm về ATTP; công khai các cơ sở vi phạm và sản phẩm thực phẩm không đảm bảo an toàn.

c) Thực hiện nghiêm việc kiểm tra, hậu kiểm về ATTP; tổ chức tiếp nhận bản tự công bố chất lượng sản phẩm, Giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm theo đúng quy định của pháp luật;

d) Tăng cường quản lý ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, điều tra xử lý ngộ độc thực phẩm và sự cố ATTP kịp thời, hiệu quả; giám sát môi trường ô nhiễm thực phẩm theo thẩm quyền; giám sát, kiểm soát chặt chẽ công tác đảm bảo ATTP phục vụ các Lễ hội, sự kiện diễn ra trên địa bàn tỉnh.

2.3. Dân số và trẻ em

a) Thực hiện hiệu quả Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 để đạt mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên và nâng cao chất lượng dân số.

b) Có chính sách và biện pháp phù hợp để người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản, nhất là trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư... Tiếp tục phát triển mạnh mạng lưới các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về công tác dân số và trẻ em trên kênh truyền thông đại chúng, trang thông tin điện và mạng xã hội. Sản xuất sản phẩm truyền thông, cung cấp tài liệu, thông tin về hoạt động dân số và trẻ em cấp cho cơ sở.

d) Phối hợp với các địa phương, ban ngành tổ chức các Diễn đàn, chương trình tọa đàm, đối thoại... để trẻ em bày tỏ ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của trẻ em và lấy ý kiến của trẻ em trong quá trình xây dựng các chính sách, văn bản liên quan đến trẻ em. Hướng dẫn trẻ em về kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích và các vấn đề liên quan đến trẻ em phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và phát triển của trẻ em.

đ) Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số và trẻ em các cấp. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số và trẻ em từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2.4. Khám, chữa bệnh

a) Đảm bảo công bằng trong tiếp cận dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, đặc biệt với những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đối tượng chính sách.

b) Tăng cường rà soát và chấn chỉnh hoạt động KCB và người hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Định kỳ triển khai kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình về quản lý chất lượng bệnh viện và việc thực hiện các quy trình, quy định nội bộ của bệnh viện đồng thời nhắc nhở và xử lý nghiêm đối với các cá nhân, đơn vị vi phạm về hoạt động KCB.

c) Phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật cao ngang tầm các tỉnh trong khu vực.

d) Hoàn thiện phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị y học hiện đại, y học cổ truyền, chuẩn hóa mã bệnh theo quốc tế; hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong triển khai thực hiện các quy trình khám, chữa bệnh; thanh toán không dùng tiền mặt; rà soát, giảm thiểu các thủ tục hành chính gây phiền hà đối với người bệnh. Tăng cường công tác đào tạo, chỉ đạo tuyên, hội chẩn từ xa nhằm giảm tải cho tuyến trên.

e) Thực hiện công khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh giữa các bệnh viện, hạn chế tình trạng cung ứng các dịch vụ y tế quá mức cần thiết.

g) Đảm bảo sự kết nối, tương tác hiệu quả giữa các cấp độ chăm sóc, giữa khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao năng lực cấp cứu ngoại viện.

h) Phát huy lợi thế và kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại; kết hợp quân dân y.

i) Cung cấp dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu của người lao động tại các khu công nghiệp. Chú trọng liên kết với ngành du lịch để hình thành sản phẩm du lịch kết hợp với chăm sóc y tế góp phần phát triển kinh tế.

3. Nhân lực y tế

a) Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng, chất lượng, có cơ cấu phù hợp. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả việc luân phiên, luân chuyển, điều động nhân lực y tế để hỗ trợ thường xuyên cho y tế cơ sở.

b) Thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ đối với yêu cầu nhiệm vụ và đặc thù công việc của nhân viên y tế. Tham mưu tinh ban hành chính sách đột phá để thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi làm việc, gắn bó lâu dài tại y tế cơ sở, nhất là vùng khó khăn và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong, y học cổ truyền, y tế cơ sở...

4. Dược, thiết bị y tế, cơ sở hạ tầng

a) Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế cho phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống thiên tai, thảm họa, sự cố y tế công cộng và các nhu cầu cấp bách khác;

b) Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế. Công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính trong quản lý, cấp phép, mua sắm thuốc, thiết bị y tế;

c) Nâng cao năng lực hệ thống kiểm chuẩn, kiểm nghiệm, kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số y tế

a) Mở rộng ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám bệnh, chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh;

b) Triển khai đồng bộ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của ngành y tế trên phạm vi toàn tỉnh; lập hồ sơ sức khỏe điện tử theo dõi sức khỏe cho người dân; tiếp tục triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh có giường bệnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế để tăng cường sự tiếp cận của người dân đến các thông tin y tế.

6. Tài chính y tế, Bảo hiểm y tế

a) Phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm theo đúng quy định; tổ chức điều hành hiệu quả dự toán ngân sách. Ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước để chi đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự phòng, y tế vùng khó khăn, hoạt động trợ giúp xã hội...

b) Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; chỉ đạo triển khai, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong mua sắm, đấu thầu, xã hội hóa, tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trong toàn ngành;

c) Quản lý, sử dụng tài sản công hiệu quả, đúng quy định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi lĩnh vực; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị, đặc biệt trong hoạt động mua sắm, đấu thầu, sử dụng tài sản công...

d) Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bệnh tham gia bảo hiểm y tế; triển khai thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; tham mưu giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế.

7. Bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội

a) Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách trợ giúp, trợ cấp cho các đối tượng xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP; Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật và trợ giúp xã hội đột xuất, đảm bảo hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội

b) Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông các chính sách trợ giúp xã hội đến người dân để họ hiểu rõ hơn về chính sách, chế độ đối với các đối tượng

thuộc diện bảo trợ xã hội; tuyên truyền, giáo dục kiến thức về phòng, chống tệ nạn xã hội bằng nhiều hình thức trên các phương tiện truyền thông với nội dung phù hợp từng loại đối tượng.

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách bảo trợ xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội tại các xã, phường; chú trọng công tác hướng dẫn, tập huấn nâng cao trình độ kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ cho thành viên Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã.

d) Hướng dẫn các địa phương thực hiện rà soát, quản lý đầy đủ, chính xác các đối tượng bảo trợ xã hội tại địa phương; nắm chắc tình hình đời sống nhân dân đặc biệt là dịp tết, thiên tai, dịch bệnh để hỗ trợ và tham mưu, báo cáo UBND tỉnh hỗ trợ kịp thời.

đ) Bảo đảm điều kiện, thực hiện kịp thời, hiệu quả các chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân có nhu cầu hỗ trợ, cập nhật danh sách nạn nhân, xác định nạn nhân có nhu cầu hỗ trợ ...

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, các phòng thuộc Sở

- Thường xuyên cập nhật các văn bản hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên; khắc phục những khó khăn, hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu chuyên môn được giao. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện, kịp thời đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Văn hoá – xã hội trực thuộc UBND xã/phường để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chung của ngành, kịp thời báo cáo các cấp có thẩm quyền những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả về Sở Y tế (qua phòng Tài chính) trước ngày 10 tháng cuối quý, riêng kỳ cuối năm tổng hợp báo cáo trước ngày 10/11 để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính, UBND tỉnh.

2. Đề nghị UBND xã/phường

- Chỉ đạo Phòng Văn hoá – xã hội, Trạm Y tế xã/phường phối hợp chặt chẽ với các phòng thuộc Sở, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế trong thực hiện nhiệm vụ nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu chung thuộc lĩnh vực y tế.

- Có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng nhằm đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu

nhân lực góp phần hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, đặc biệt là chỉ tiêu: “100% trạm y tế cấp xã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ; đến năm 2027 mỗi trạm y tế có ít nhất 4 bác sĩ, đến năm 2030 mỗi trạm có ít nhất 5 bác sĩ. Tăng tỉ lệ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại trạm y tế cấp xã lên trên 20%”.

3. Giao phòng Tài chính - Sở Y tế theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch, tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND xã/phường; (để ph/h)
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, TC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Ngọc Quang